

Số: /GPMT-BQL

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 12/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai;

Xét Văn bản số 10/CV-HN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Hồng Ngọc về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư mở rộng xưởng chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hồng Ngọc, địa chỉ trụ sở chính tại số 121, đường Chương Dương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư mở rộng xưởng chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại một phần lô A37, Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư mở rộng xưởng chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô A37, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 4100648539 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/10/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2843346432 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/7/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 14/11/2024.

1.4. Mã số thuế: 4100648539

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cửa xẻ gỗ, sấy gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích đất: 3.962 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

- Công suất: 14.400 m³ gỗ tròn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (gỗ tròn) → Cửa, xẻ theo quy cách → Sấy hơi nước → Gỗ xẻ đã sấy → Vận chuyển về cơ sở tại lô B10, Khu công nghiệp Phú Tài của Công ty để phục vụ sản xuất + bán cho các đơn vị khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hồng Ngọc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hồng Ngọc có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nổi nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND phường Quy Nhơn Bắc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 29 tháng 7 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND phường Quy Nhơn Bắc;
- Công ty TNHH Hồng Ngọc;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (để công khai);
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 7 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (nước xả đáy lò hơi, nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải) được thu gom, xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đã ký giữa Công ty và Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định), không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ 02 khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thải từ các bồn rửa tay, vệ sinh sàn nhà tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D114mm về bể gom và tiếp tục tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D114mm đầu nối vào hố ga (tại vị trí phía Bắc mặt bằng dự án) thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được thu gom, lưu chứa tại bể chứa nước dập bụi để lắng cặn và tái sử dụng lại cho quá trình xử lý khí thải lò hơi. Khi vệ sinh bể định kỳ, phần nước trong bể được xả theo tuyến ống nhựa uPVC D114mm, đầu nối vào hố ga (tại vị trí phía Bắc mặt bằng dự án) thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Nước xả đáy lò hơi được dẫn bằng đường ống sắt D60mm vào bể chứa nước dập bụi để xử lý, tái sử dụng và xả định kỳ như đối với nguồn nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải nêu trên.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Bể gom nước thải tập trung → Hố ga thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại: 02 bể có dung tích $3,3 \text{ m}^3/\text{bể}$.

+ Bể gom nước thải tập trung: $7,14 \text{ m}^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể nước dập bụi kết hợp lắng 02 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (gồm nước xả đáy lò hơi, nước xử lý khí thải) → Bể chứa nước dập bụi (lắng cặn) → Hồ ga của khu công nghiệp.

- Công suất bể nước dập bụi: $5,4 \text{ m}^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đấu nối triệt để nước thải, đảm bảo hệ thống thoát nước luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Định kỳ nạo vét các hố ga trên đường ống thoát nước thải chung và hút bùn, cặn tại bể tự hoại, bể gom nước thải tập trung và bể chứa nước dập bụi để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý sơ bộ nước thải trước khi đấu nối.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý sơ bộ nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thu gom, xử lý sơ bộ, đấu nối toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong phạm vi dự án vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp, không xả thải ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, bao gồm cả việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi công suất 2,0 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải; tọa độ: X= 1.525.224, Y= 596.629 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K_p = 1,0, K_v = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không	Không thuộc đối tượng
02	SO ₂	mg/Nm ³	500		
03	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
04	CO	mg/Nm ³	1000		
05	Lưu lượng	m ³ /giờ	8.500 m ³ /giờ		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của dự án khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi được thu gom vào hệ thống xử lý bằng đường ống thép chịu nhiệt, đường kính Ø400mm thông

qua quạt hút có công suất 5,5Kw/7,5Hp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone lọc bụi khô → Tháp Venturi số 1 → Tháp Venturi số 2 → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước pha dung dịch Ca(OH)₂.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được cung cấp chuyên giao.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống bơm và đường ống dẫn nước pha dung dịch Ca(OH)₂ đưa vào 02 tháp venturi; hệ thống quạt hút khí và đường ống dẫn khí vào hệ thống xử lý khí để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra, Công ty phải tạm dừng hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải để xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải của dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp

ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải; sàn thao tác tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải phải luôn đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.4. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực cửa xe gỗ (xưởng cửa CD số 1 và số 2).
- Nguồn số 2: Khu vực lò hơi sấy gỗ.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	03	16 01 06
02	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	15	17 02 03
03	Ắc quy chì thải	15	19 06 01
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	05	16 01 13
Tổng cộng		38	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
01	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	30	18 02 01
02	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (thùng đựng dầu).	20	18 01 03
03	Bao bì mềm thải (bao bì đựng vôi tôi)	58	18 01 01
Tổng cộng		108	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Các loại chất thải	Số lượng (kg/ngày)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Củi bìa, mùn cưa	9.690	09 01 03	TT-R
2	Tro lò sấy	43	12 01 10	TT
3	Bùn từ bể lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi	6	12 01 12	TT
Tổng cộng		9.739		

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,71 tấn/tháng.

- Chủng loại: chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên của dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại kho chứa CTNH để lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 08m², tại vị trí phía Nam mặt bằng để lưu chứa các loại chất thải có thành phần nguy hại phát sinh.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; rãnh chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Cùi bìa, mùn cưa được thu gom và tập kết tại khu vực có diện tích 40m² tại phía Bắc khu xưởng cưa CD số 2 để lưu chứa.

- Tro lò sấy được thu gom vào bao chứa và lưu chứa tại khu vực có diện tích 8m² bố trí bên trong khu vực lò hơi.

- Kết cấu kho/khu vực lưu chứa: được xây dựng có nền bê tông, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh không để phát tán chất thải ra môi trường xung quanh hoặc nước mưa xâm nhập từ bên ngoài vào trong kho.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Công ty phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty

hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải và định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

1. Công khai Giấy phép môi trường của dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Quy Nhơn Bắc trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các loại CTNH phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như CTNH. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã CTNH có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ CTNH theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại Dự án.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.